

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐHĐN ngày 06/01/2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-ĐHĐN ngày 14/4/2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính, Đại học Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHĐN ngày 06/01/2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) như sau:

1. Sửa đổi điểm a, điểm e, điểm m và bổ sung điểm r khoản 2 Điều 4 như sau:

“a) Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số

111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

“e) Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 28/2025/TT-BTC ngày 26/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP”;

“m) Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC”;

“r) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Công tác phí trong nước

1. Nội dung chi, hình thức thanh toán và định mức công tác phí trong nước được xây dựng dựa trên cơ sở quy định của Nhà nước (hiện hành là Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Thông tư số 12/2025/TT-BTC) và căn cứ vào tình hình cân đối thu, chi thực tế của ĐHĐN.

2. Quy định nội dung chi công tác phí trong nước, cụ thể như sau:

a) Thanh toán chi phí đi lại

- Người đi công tác được thanh toán các khoản chi phí di chuyển (lượt đi và lượt về) từ nhà hoặc cơ quan đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng đến địa phương nơi đến công tác và theo chiều ngược lại; chi phí đi lại từ chỗ nghỉ đến chỗ làm việc, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về) tại địa phương nơi đến công tác;

- Mức thanh toán bao gồm cước, phí di chuyển cho bản thân và phương tiện của người đi công tác, cước tải liệu, thiết bị, dụng cụ, đạo cụ (nếu có) phục vụ trực tiếp cho chuyến đi công tác mà người đi công tác đã chi trả; cước hành lý của người đi công tác bằng phương tiện máy bay trong trường hợp giá vé không bao gồm cước hành lý mang theo;

- Chi phí di chuyển (lượt đi và lượt về) từ nhà hoặc cơ quan đến sân bay, ga tàu, bến xe và chi phí đi lại từ chỗ nghỉ đến chỗ làm việc, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về) tại địa phương nơi đến công tác được thanh toán tối đa theo các mức cụ thể như sau: Người đi công tác là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHĐN, Bí thư Đảng ủy Cơ quan ĐHĐN, Chủ tịch Công đoàn ĐHĐN và Chủ tịch Công đoàn Cơ quan ĐHĐN, VC, NLĐ có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,5 trở lên đi công tác một mình hoặc đi theo đoàn đến Thủ đô Hà Nội thanh toán 1.000.000 đồng/đoàn/đợt công tác, các VC, NLĐ khác được thanh toán 800.000 đồng/đoàn/đợt công tác; Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán

Handwritten signature

800.000 đồng/đoàn/đợt công tác, các VC, NLĐ khác được thanh toán mức 600.000 đồng/đoàn/đợt công tác. Người đi công tác đến các địa phương khác được thanh toán mức tối đa bằng 80% mức đi công tác Thành phố Hồ Chí Minh. Trong trường hợp đặc biệt cần đi lại nhiều trên địa bàn công tác, Giám đốc ĐHĐN xem xét quyết định mức thanh toán. Chứng từ thanh toán theo hóa đơn thực tế;

- Chi phí di chuyển từ sân bay, bến tàu, bến xe đến địa phương nơi công tác được thanh toán theo hóa đơn thực tế. Loại hình phương tiện di chuyển được quy định như sau:

+ VC, NLĐ giữ chức vụ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHĐN, Bí thư Đảng ủy Cơ quan ĐHĐN, Chủ tịch Công đoàn ĐHĐN được thanh toán phương tiện hàng không hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt (như: Premium, Deluxe, Plus, Flex,...). Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông, được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class);

+ Các đối tượng còn lại được thanh toán phương tiện hàng không hạng ghế phổ thông;

+ Đối với các địa phương nơi công tác không di chuyển được bằng phương tiện máy bay thì di chuyển bằng phương tiện tàu hỏa, xe ô tô, phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Người đi công tác được thanh toán tiền phương tiện đi lại theo chứng từ thực tế tương ứng với loại phương tiện quy định.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị nơi cử người đi công tác và cơ quan, đơn vị nơi đến công tác đã bố trí phương tiện vận chuyển thì người đi công tác không được thanh toán các khoản chi phí này;

- Trường hợp VC, NLĐ tự túc phương tiện đi công tác và nơi công tác cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên thì được thanh toán theo mức khoán tự túc phương tiện bằng 2.400 đồng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính.

b) Phụ cấp lưu trú: Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác là 300.000 đồng/ngày, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác). Trường hợp người đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 400.000 đồng/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo).

c) Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

- Người đi công tác được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo hóa đơn thực tế hoặc theo hình thức khoán được quy định cụ thể theo đối tượng tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;

Placee

- Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoản tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác;

- Trường hợp người đi công tác được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền, thì người đi công tác không được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ.

d) Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng: Chế độ này được áp dụng cho các đối tượng sau để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe: Nhân viên kế toán, thủ quỹ của ĐHĐN có liên hệ hàng ngày với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, bảo hiểm, thuế; chuyên viên, văn thư đi liên hệ hàng ngày với các đơn vị bên ngoài. Mức hỗ trợ tối đa là 300.000 đồng/người/tháng. Thành phần cụ thể và mức hỗ trợ do Giám đốc ĐHĐN quyết định.”

3. Bổ sung khoản 17 và khoản 18 Điều 21 như sau:

“17. Chi hỗ trợ đối với VC, NLĐ đảm nhiệm vị trí việc làm công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Học liệu số với mức 3.000.000 đồng/người/tháng;

18. Các nhiệm vụ KHCN được tài trợ từ NSNN, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted), doanh nghiệp,... thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHĐN.”

4. Sửa đổi Điều 28 như sau:

“Điều 28. Sử dụng quỹ bổ sung thu nhập của Cơ quan ĐHĐN

1. Quỹ bổ sung thu nhập được dùng để chi trả thu nhập tăng thêm, hỗ trợ tiền ăn trưa của VC, NLĐ Cơ quan ĐHĐN.

2. VC, NLĐ được hưởng mức thu nhập tăng thêm căn cứ vào vị trí việc làm và kết quả lao động, cụ thể như sau:

$$\text{Thu nhập tăng thêm} = k_{VT} \times k_{KPI \text{ quý}} \times \text{đơn giá}$$

Trong đó:

- k_{VT} là hệ số vị trí quản lý, phục vụ được quy định tại Phần II Phụ lục của Quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số 36/QĐ-ĐHĐN;

- k_{KPI} là hệ số đánh giá kết quả lao động (KPI) cá nhân được quy định như sau:

Xếp loại đánh giá kết quả lao động	$k_{KPI \text{ quý}}$
Xếp loại A	1,2
Xếp loại B	1,0

Handwritten signature

Xếp loại C	0,9
Xếp loại D	0,8

Hệ số KPI cụ thể được quy định tại Quy chế đánh giá, xếp loại kết quả lao động đối với viên chức, người lao động thuộc Cơ quan ĐHĐN hiện hành.

3. Một số trường hợp phát sinh khác do Giám đốc ĐHĐN quyết định.”

5. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 29 như sau:

“d) Vợ (chồng), con của VC, NLĐ đang công tác tại ĐHĐN (áp dụng đối với loại hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên và có trích đóng BHXH bắt buộc) đang theo học đại học tại các trường đại học thành viên, đơn vị đào tạo thuộc ĐHĐN được hỗ trợ 50% học phí. Vợ (chồng), con của VC, NLĐ đã nghỉ hưu, mất sức trước đây đã công tác và được giải quyết chế độ tại ĐHĐN đang theo học đại học tại các trường đại học thành viên, đơn vị đào tạo thuộc ĐHĐN được hỗ trợ 25% học phí. Mức học phí được hỗ trợ là mức học phí chương trình đào tạo áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên;”

6. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 30 như sau:

“c) Riêng trường hợp VC, NLĐ được công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ được tặng thưởng với các mức như sau:

- Chi từ Quỹ khen thưởng của ĐHĐN
- + Được công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư: 10.000.000 đồng;
- + Được công nhận đạt chuẩn chức danh phó giáo sư: 5.000.000 đồng;
- + Bảo vệ thành công luận án và có quyết định công nhận hoặc đã nhận bằng tiến sĩ hoặc tiến sĩ mới được tuyển dụng: 2.000.000 đồng.
- Chi từ Quỹ khen thưởng của Cơ quan ĐHĐN: Mức chi bằng 50% so với mức chi từ Quỹ khen thưởng của ĐHĐN.”

Điều 2. Bãi bỏ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 4 tại Quyết định số 36/QĐ-ĐHĐN.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc và viên chức, người lao động của ĐHĐN căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đảng ủy ĐHĐN (để b/cáo);
- Hội đồng ĐHĐN (để b/cáo);
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Ban Giám đốc ĐHĐN (để biết);
- Lưu: VT, KHTC.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

Phụ lục
ĐỊNH MỨC TIỀN THUÊ PHÒNG NGHỈ TẠI NƠI ĐẾN CÔNG TÁC
(Kèm theo Quyết định số 4809/QĐ-ĐHĐN ngày 29 tháng 12 năm 2025)

Nơi ở/ Đối tượng thanh toán	Theo hình thức khoán chi	Theo hóa đơn thực tế (đã bao gồm thuế, phí)
1. Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương		
a. Đối với VC, NLĐ giữ chức vụ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên	1.600.000 đ/ngày/người	Tối đa 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.
b. Đối với VC, NLĐ giữ chức vụ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,20 và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHĐN, Bí thư Đảng ủy Cơ quan ĐHĐN, Chủ tịch Công đoàn ĐHĐN	800.000 đ/ngày/người	Tối đa 1.200.000 đ/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng
c. Đối với VC, NLĐ còn lại	600.000 đ/ngày/người	Tối đa 1.400.000 đ/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng (nếu đi công tác một mình hoặc theo đoàn lẻ có người khác giới thì được thanh toán tối đa 1.000.000 đ/ngày/phòng)
2. Đi công tác tại các tỉnh		
a. Đối với VC, NLĐ giữ chức vụ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên	1.600.000 đ/ngày/người	Tối đa 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.
b. Đối với VC, NLĐ giữ chức vụ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,20 và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHĐN, Bí thư Đảng ủy Cơ quan ĐHĐN, Chủ tịch Công đoàn ĐHĐN	600.000 đ/ngày/người	Tối đa 800.000 đ/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng
c. Đối với VC, NLĐ còn lại	500.000 đ/ngày/người	Tối đa 1.100.000 đ/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng. (nếu đi công tác một mình hoặc theo đoàn lẻ có người khác giới thì được thanh toán tối đa 700.000 đ/ngày/phòng)